

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 72

Thiên thứ 82: TỬ SANH

(Thiên này có 5 phần: Thuật ý, Hội danh, Tương nhiếp, Thọ sanh, Ngũ sanh).

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Làm điều thiện cảm được vui sướng, gần với cõi trời người, xa được quả thành Phậ; làm điều ác chuốc lấy khổ đau, gần thì chịu ba đường Khổ, xa thì trái ngược Thánh đạo. Người ngu dốt không tin, người trí luôn biết rõ. Vì thế mà có bốn sanh khác biệt – sáu nẻo phân chia, sáng suốt và tối tăm khác nẻo, lên cao và xuống thấp khác đường. Lý của nghiệp duyên rõ ràng, báo của nhân quả luôn đúng không sai.

Phần thứ hai: HỘI DANH

Như kinh Bát-nhã nói: “Một là noãn sanh; hai là thai sanh; ba là thấp sanh; bốn là hóa sanh”. Còn kinh A Hàm Khẩu Giải Thập Nhị Nhân Duyên nói: “Có bốn loại sanh: Một là sanh ra từ bụng, đó là người và súc sanh (chính là thai sanh); hai là nóng lạnh hòa hợp mà sanh ra, đó là sâu bươm rận rệp (chính là thấp sanh); ba là sanh ra do biến hóa đó là trời và địa ngục; bốn là sanh ra từ tướng, đó là các loài chim bay cá lội”. Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “súc sanh có vô lượng chủng loại, nói tóm lại có ba nơi: Một là loài sống dưới nước, đó gọi là các loài cá tôm..., hai là loài sống trên đất liền, đó là các loài voi ngựa..., ba là loài sinh hoạt giữa bầu trời, đó là các loại chim chóc ... hoặc dùng Thiên nhãn thấy các loài súc sanh có bốn loại sanh. Những gì là bốn loại? Đó là: 1- Thai sanh, là các loài voi ngựa trâu dê..., 2- Noãn sanh, là rắn rít – ngỗng vịt gà chim chóc các loại; 3- Thấp sanh, là các loài rận rệp mối kiến; 4- Hóa sanh, như loài rồng mặt dài... Vì vậy kinh nói: Sanh là các căn được phát sinh từ đầu, tử là các căn chịu sự hoại diệt”.

Lại trong luận Thiện Kiến nói: “Một là do Sắc sanh ra; hai là do

Vô Sắc sanh ra. Do Sắc sanh ra có thể hoại diệt, do Vô sắc sanh ra thì không thể hoại diệt. Sanh ra do Vô sắc thì dựa vào Sắc mà sanh ra, sắc và tâm dựa vào nhau cùng tạo thành cái giả ấy, gọi đó là sanh; khiến cho trước không cảm được sau, sau không đến với trước, gọi đó là tử”.

Lại trong Kinh Niết Bàn nói: “Phật tánh chúng sanh trú vào trong năm ấm, nếu hủy hoại năm ấm, thì gọi là sát sanh. Nếu có sát sanh thì rơi vào đường ác, dựa theo sự sanh tử này cho nên có bốn loại sanh. Dựa vào vỏ cứng mà sanh ra thì gọi là Noãn, che chở kín đáo mà sanh ra thì gọi là Thai, nhờ thấm nhuần mà xuất hiện thì gọi là Thấp, bỗng nhiên mà hiện bày thì gọi là Hóa. Chúng sanh được thâu nhiếp không ra ngoài bốn loại này”.

Phần thứ ba: TƯƠNG NHIẾP

Như luận Bà Sa giải thích rằng: “Trong cõi Dục này thâu nhiếp đầy đủ sáu đường, cõi Sắc và cõi Vô Sắc đều thâu nhiếp một phần của loài trời. Vì sao khác biệt như vậy? Bởi vì cõi Dục này là nơi tạp loạn, chúng sanh khởi nghiệp xấu ác lẫn lộn không thuần nhất, hoặc là thiện hoặc là ác. Bởi vì không giống nhau, cho nên tùy theo nghiệp nhận báo ứng mà có nhiều sai biệt. Hai cõi phía trên là nơi ổn định, chúng sanh trầm lắng cho nên khởi nghiệp cũng thuần nhất, vì vậy mà không có nhiều nẻo sai biệt. Hỏi: Bốn loại sanh - sáu nẻo đường thâu nhiếp lẫn nhau thế nào? Đáp: Như trong Tỳ Đàm giải thích rằng trời và địa ngục luôn luôn là hóa sanh, đường quỷ có hai loại, đó là thai sanh và hóa sanh; người và súc sanh đều có đủ bốn loại sanh. Do đó luận này hỏi rằng: là sanh thâu nhiếp vào nẻo đường hay là nẻo đường thâu nhiếp đối với sanh? Tức thì tự đáp rằng:

*Sanh thâu nhiếp tất cả đường,
Không phải nẻo đường thâu nhiếp sanh,
Nghĩa là sanh trung ấm tăng lên,
Nên biết không phải nẻo thâu nhiếp.*

Do đó biết sanh rộng mà nẻo đường hẹp. Bởi vì hóa sanh rộng, thâu nhiếp toàn bộ hai nẻo và một phần của ba nẻo, trong nẻo địa ngục luôn luôn là hóa sanh. Hỏi: Các trời sáu cõi Dục đã hành dục giống như loài người, tại sao không có thai sanh? Đáp: Ái dục tuy giống nhau nhưng việc làm không như nhau. Vì vậy trong các kinh Lâu Thán - Chánh Pháp Niệm nói: “Cõi trời Tứ Vương - Đạo Lợi, lúc hành dục thì hình thể nam nữ kết giao với nhau, giống như loài người không khác, nhưng mà không có tinh khí chảy ra, cùng với loài người không giống

nhau. Từ Tứ Thiên trở lên luôn luôn hoàn toàn khác nhau, trời Diêm Ma hành dục thì ý vui vẻ ôm lấy nhau, hoặc chỉ là nắm tay mà làm thành kết quả cuối cùng, không đến mức giao hợp với nhau. Trời Đâu Suất trong ý vui thích nói cười, thì trở thành kết quả cuối cùng, không cần phải ôm lấy nhau. Trong cõi trời Hóa Lạc cùng nhau nhìn say đắm, thì trở thành kết quả cuối cùng, không cần phải nói cười. Trong cõi trời Tha Hóa chỉ nghe tiếng nói, hoặc ngửi mùi hương, thì trở thành kết quả cuối cùng, không cần phải nhìn say đắm”. Vì thế khác biệt với loài người. Bởi vì loài trời là hóa sanh cho nên từ đầu gối của mẹ hóa hiện mà có. Loại quỷ hóa sanh có thể biết. Thai sanh thì kín đáo một chút như trong Tịnh Quán Âm kia giải thích, nói là xưa trong thành Vương Xá có một người nữ, bị tinh khí loài quỷ dính vào, mang thai sanh ra năm trăm quỷ con. Lại trong luận Câu Xá nói: “Có con quỷ thưa với Mục Liên rằng: Ban ngày con sanh ra năm đứa con, ban đêm con sanh ra năm đứa con, cứ sanh ra mà ăn, ăn hết mà không có lúc nào no đủ. Đây là loài quỷ thai sanh. Đường A tu la cũng có thai sanh và hóa sanh, vì có sự phối hợp cho nên có thai sanh, kiếp ban đầu của Tu la từ loài trời mà xuất hiện, tức là thuộc về hóa sanh”. Lại dựa theo kinh Quán Phật Tam Muội giải thích: “Nguồn gốc của Tu la nữ vốn phát xuất từ trong chỗ ứt át của loài trứng bunn nơi biển lớn, chung cả thai sanh và hóa sanh nơi ấy, cũng có đủ bốn loại sanh”. Loài người có đủ bốn loại sanh, thai sanh thì hiện tại trông thấy có thể biết, noãn sanh như kinh Niết bàn giải thích: “Như mẹ Tỳ Xá Khư Sanh ra một cục thịt tròn, từ trong đó có ba mươi hai trứng xuất hiện”. Như luận Tỳ Bà Sa nói: “Hỏi: Tại sao biết trong loài người có noãn sanh? Đáp: “Như Phật đã nói cõi Diêm Phù Đề có nhiều người buôn đi vào biển thu thập vật quý, gặp được hai con Hạc, hóa hiện tùy theo ý muốn, mất một con còn lại một con, cùng chơi đùa nằm ngủ với nhau trong một căn nhà, cùng giao hợp với con Hạc ấy, liền sanh ra hai quả trứng, trứng dần dần gặp hơi ẩm chín muối thì sanh ra hai đứa trẻ. Sau lớn lên xuất gia học đạo được quả vị A la hán, một gọi là Thi Bà La, một gọi là Ưu Bát Thi Bà la”. Hỏi: Tại sao biết trong loài có thấp sanh? Đáp: Như trong kinh đã nói: Hữu Đánh Sanh Vương, Tôn giả Giá La, Tôn giả Ưu Bà Giá La, Lê Nữ và Nại Nữ..., tức là sự việc ấy vậy. Hỏi: Tại sao biết trong loài người có hóa sanh? Đáp: Như loài người ở kiếp đầu tiên là vậy. Đã đạt được Thánh pháp, thì không còn noãn sanh và thấp sanh. Hỏi: Vì sao không còn noãn sanh và thấp sanh vậy? Đáp: Bởi vì noãn sanh và thấp sanh là thuộc về loài súc sanh thâm nhiếp. Súc sanh có đủ bốn loại sanh, là thai – noãn – thấp sanh thì

ba loại này mắt nhìn có thể biết, còn loại hóa sanh thì dựa theo kinh Lâu Thán nói: “Như bốn loại sanh của chim cánh vàng trở lại ăn bốn loại sanh của loài rồng. Hóa sanh ăn bốn loại, thai sanh ăn ba loại (trừ hóa sanh), noãn sanh ăn hai loại (trừ hóa sanh và thai sanh), thấp sanh trở lại ăn một loại thấp sanh (trừ ba loại có thể biết). Còn trong kinh Khởi Thế nói: “Phía Bắc của biển lớn, là nơi ở của các Long Vương và tất cả chim chúa cánh vàng cho nên mọc lên một cây lớn, tên gọi là Cư Tra Xa Ma Ly (Thời Tùy nói là Lộc Tụ), gốc rễ của cây đó vòng quanh bảy do tuần, sâu vào đất hai mươi do tuần, thân cao một trăm do tuần, cành lá che phủ năm mươi do tuần. p phía Đông của cây có loài rồng noãn sanh và loài chim cánh vàng noãn sanh, phía Nam của cây có loài rồng thai sanh và loài chim cánh vàng thai sanh, phía Tây của cây có loài rồng thấp sanh và loài chim cánh vàng thấp sanh, phía Bắc của cây có loài rồng hóa sanh và loài chim cánh vàng hóa sanh. Bốn chỗ này đều có cung điện, dọc ngang sáu trăm do tuần, bảy lớp tường bao bằng phẳng, bảy thứ báu trang hoàng nghiêm túc, hương thơm tuyệt vời xông tỏa lan xa, các loài chim cùng hót vang.

Còn chim chúa cánh vàng noãn sanh kia, nếu muốn bắt lấy loài rồng noãn sanh, thì liền bay đến trên cành phía Đông của cây lớn Cư Tra Xa Ma Ly, nhìn nước biển lớn rồi thế là tiếp tục bay xuống, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, khiến cho nước tự tách ra hai trăm do tuần, lập tức vào trong đó ngậm lấy rồng noãn sanh, đem ra ngoài biển tùy ý mà ăn. Chim chúa cánh vàng noãn sanh, chỉ có thể lấy được những loài rồng noãn sanh, chứ không có năng lực lấy được những loài rồng thai sanh – thấp sanh và hóa sanh. Nếu chim chúa cánh vàng thai sanh muốn bắt lấy loài rồng noãn sanh, thì vẫn hướng đến trong biển phía Đông của cây mà bắt lấy.

Con chim chúa cánh vàng thai sanh muốn bắt lấy loài rồng thai sanh, thì hướng vào trong biển phía Nam của cây mà bắt lấy, nước tách ra bốn trăm do tuần. Chim chúa thai sanh này chỉ có thể bắt lấy loài rồng noãn sanh và thai sanh, chứ không có năng lực bắt lấy loài rồng thấp sanh - hóa sanh.

Còn chim chúa cánh vàng thấp sanh, muốn bắt lấy loài rồng thai sanh, vẫn hướng về trong biển phía Đông của cây mà bắt lấy để ăn. Còn chim chúa thấp sanh muốn bắt lấy loài rồng thai sanh, thì hướng về trong biển phía Nam của cây mà bắt lấy để ăn, nước tách ra bốn trăm do tuần. Còn chim chúa thấp sanh muốn bắt lấy loài rồng thấp sanh ấy, thì hướng về trong biển phía Tây của cây mà bắt lấy, nước tách ra tám

trăm do tuần. Chim chúa thấp sanh chỉ có thể bắt lấy những loài rồng noãn sanh – thai sanh và thấp sanh, chứ không có năng lực bắt được loài rồng hóa sanh.

Còn chim chúa cánh vàng hóa sanh muốn bắt lấy loài rồng noãn sanh, thì hướng về trong biển phía Đông của cây mà bắt lấy. Nếu muốn bắt lấy loài rồng thai sanh, thì hướng về trong biển phía Nam của cây mà bắt lấy. Nếu muốn bắt lấy loài rồng thấp sanh, thì hướng về trong biển phía Tây của cây mà bắt lấy. Nếu muốn bắt lấy loài rồng hóa sanh, thì hướng về trong biển phía Bắc của cây mà bắt lấy, nước tách ra một ngàn sáu trăm do tuần, các loài rồng ấy đều bị chim chúa cánh vàng này bắt mà ăn thịt”.

Lại trong Kinh Quán Phật Tam Muội: “Đức Phật dạy: Trong cõi Diêm Phù Đề cho đến Tứ thiên hạ, có chim cánh vàng tên là Già Lâu La Vương, nhanh nhạy tự tại ở trong các loài chim Nghiệp báo của chim này là phải ăn thịt các loài rồng, ở cõi Diêm Phù Đề mỗi ngày ăn một rồng chúa, và năm trăm rồng nhỏ. Ngày thứ hai ở cõi Phất Bà Đề, ngày thứ ba ở cõi Cù Da Ni, ngày thứ tư ở cõi Uất Đan Việt, đều ăn với số lượng như trước, vòng đi vòng lại trải qua tám trăm năm. Chim này vào lúc bấy giờ tướng chết đã hiện rõ ra, các loài rồng nhả độc không có cách nào ăn thịt được. Chim ấy đói lả bức bách hoảng hốt cầu thức ăn, nhưng hoàn toàn không thể có được. Đi quanh co khắp các núi mà vẫn không yên ổn được, đến núi Kim Cang sau đó tạm thời dừng lại. Từ núi Kim Cang thẳng xuống đến phạm vi mặt nước lớn, từ phạm vi mặt nước lớn đến phạm vi của vòng tròn gió, bị luồng gió thổi trở về đến núi Kim Cang. Như vậy, đến bảy lần sau đó mạng chung. Chim đó mạng chung rồi nhưng bởi vì chất độc của nó, khiến cho mười núi báu cùng một lúc nổi lửa. Lúc bấy giờ Long Vương Nan Đà sợ núi bị thiêu rụi, liền tuôn mưa lớn, hạt mưa bằng vành xe, thịt chim phân tán hết chỉ có trái tim còn lại. Trái tim đó thẳng xuống như trước bảy lần, sau đó trở lại ở trên đỉnh núi Kim Cang. Long Vương Nan Đà lấy trái tim của chim này, dùng làm minh châu, Chuyển Luân Vương có được trở thành như ý châu”.

Lại trong kinh Lô Thán nói: “Các loài rồng trong thiên hạ vì 3 nhiệt kiến thiêu đốt, Long Vương A Nậu Đạt không bị ba nhiệt kiến thiêu đốt. Một Long Vương khác, bị mưa cát nóng đốt cháy trên thân rất đau đớn. Hai Long Vương khác khởi lên tâm ý hướng về với nhau bị gió nóng bức thổi đến trên thân, cháy sém liền mất nhan sắc, phải chịu thân rấn thì sợ không vui. Ba Long Vương khác bị chim cánh vàng ăn thịt,

thấy đều sợ hãi. Các loài rồng khác trong thiên hạ đều thấy nóng bức độc địa, chỉ một mình Long Vương A Nậu Đạt không thấy nóng bức”.

Lại trong luật Thiện Kiến nói: “Đức Phật dạy: Rồng có 5 sự việc không thể lìa được thân rồng. Những gì là năm sự việc? Đó là: 1- Lúc hành dâm, nếu cùng với rồng hành dâm thì lại có được thân rồng, nếu cùng với người hành dâm thì không có được thân rồng nữa; 2- Thọ sanh không lìa khỏi thân rồng; 3- Lúc lột da; 4- Lúc ngủ; 5- Lúc chết. Đây là năm sự việc không thể lìa được thân rồng”.

Hỏi: Bốn loại ăn thâu nhiếp lẫn nhau như thế nào? Đáp: Như trong Tỳ Đàm giải thích. Nói tóm lại, trong sáu đường đều có đủ bốn loại ăn nhưng mà có rộng hẹp không giống nhau. Như trong địa ngục cần phải có đoàn thực ấy là giống như có viên sắt và nước đồng sôi, tuy rằng thêm đau khổ, nhưng bởi vì trừ bỏ đói khát cho nên gọi là đoàn thực. Lại như bị giam trong ngục tội nhẹ cần phải có đủ hai làn gió lạnh nóng, thay đổi nhau xúc chạm thân thể cũng gọi là đoàn thực. Chỉ riêng hai cõi trên không có đoàn thực, bởi vì thân thể của họ nhẹ nhàng tuyệt vời, cho nên luận có kệ rằng:

*“Bốn loại ăn thuộc về cõi Dục,
Nơi bốn loại sanh cũng như vậy,
Ba loại ăn thuộc hai cõi trên,
Đoàn thực thì cõi kia không có”.*

Hỏi: Không biết trong mỗi một đường tăng thêm loại ăn nào vậy? Đáp: Như trong Tỳ Đàm giải thích, ở trong sáu đường nói là toàn bộ đường quỷ và ở noãn sanh cùng với ba loại Vô Sắc trước đều là thiên về tăng thêm tư thực. Vì sao như vậy? Bởi vì trong đường ngạ quỷ kia nhiều về ý hành, chúng sanh loài noãn sanh lúc còn trong vỏ trứng, vì nghĩ đến mẹ cho nên trứng không hủy hoại được. Ba loại Vô Sắc trước cũng như ý hành vốn có nhiều tư duy, vì vậy đều tăng thêm tư thực. Còn đường loài người này và ở trong sáu trời Dục, đều thiên về tăng thêm đoàn thực. Vì sao như vậy? Bởi vì hai chỗ này cần phải nhờ vào cvái ăn dục trì thân mạng. Còn toàn bộ đường địa ngục kia và toàn bộ cõi Phi Tưởng đều thiên về tăng thêm thức thực. Vì sao như vậy? Bởi vì trong địa ngục thì thức là thứ duy trì danh sắc, trong cõi Phi Tưởng dùng thức để duy trì tên gọi. Còn cõi Sắc kia và loài thấp sanh, đều thiên về tăng thêm xúc thực. Vì sao như vậy? Bởi vì trong cõi Sắc tiếp nhận tu tập các pháp thiền định xúc chạm để duy trì thân mạng, trong loài thấp sanh lấy nhân tố ẩm ướt xúc chạm để duy trì thân mạng được sống.

Phần thứ tư: THỌ SANH

Như luận Tân Bà Sa nói: “Trung hữu có nhiều tên gọi, hoặc gọi là Trung hữu, hoặc gọi là Kiện đạt phược, hoặc gọi là Cầu Hữu, hoặc gọi là Ý Thành. Hỏi: Sao gọi là Trung hữu? Đáp: Có sau khi chết đi và có trước khi sanh ra, giữa hai trạng thái có ấy có tự thể phát khởi. Hỏi: Hỏi: Vì sao Trung hữu gọi là Kiện đạt phược? Đáp: Bởi vì nó ăn mùi hương mà tồn tại, tên gọi này chỉ thuộc về Trung hữu cõi Dục. Hỏi: Vì sao Trung hữu lại gọi là Cầu Hữu? Đáp: Bởi vì đối với cửa ngõ sáu nơi sanh mà có. Hỏi: Vì sao Trung hữu lại gọi là Ý Thành? Đáp: Bởi vì từ nơi ý sanh ra, nghĩa là các loài hữu tình, hoặc là từ nơi ý sanh ra, hoặc từ nơi nghiệp mà sanh ra, hoặc từ nơi dị thực mà sanh ra (xưa gọi là quả báo) hoặc từ nơi dâm dục mà sanh ra. Từ nơi ý mà sanh ra, nghĩa là con người ở thời kỳ đầu của kiếp thành và các Trung hữu, ở cõi Sắc và cõi Vô Sắc đều là thân biến hóa. Từ nơi nghiệp mà sanh ra, nghĩa là các địa ngục, như trong kinh nói: Chúng sanh địa ngục, bị nghiệp trói buộc, không thể nào xa rời được, do nghiệp mà sanh ra, chứ không do ý vui thích. Từ nơi dị thực mà sanh ra, nghĩa là các loài chim bay và các loài quỷ thần, do dị thực kia có xu thế nhanh nhạy, cho nên có năng lực bay lại giữa khoảng không, hoặc là tướng vách ngăn cản không trở ngại gì. Từ nơi dâm dục mà sanh ra, nghĩa là sáu trời Dục và tất cả người. Các thân Trung hữu, từ nơi ý mà sanh ra cho nên thuận theo ý hành, gọi là Ý thành (xưa gọi là Trung Ấm)”.

Tiếp theo là dựa vào luận Bà Sa: “Hỏi: Các căn của Trung hữu đủ hay không đủ? Đáp: Tất cả Trung hữu đều đủ các căn, với vì bắt đầu tiếp nhận dị thực cần phải hết sức đầy đủ. Có nơi nói: Không đủ các căn, như dùng ấn in vào vật thì hình dạng hiện rõ ra. Như vậy đường Trung hữu là vốn có, như lúc vốn có thì có căn không đầy đủ. Trong này ban đầu nói đối với lý làm thiện, nghĩa là phần vị Trung hữu ở tại cửa ngõ sáu nơi, khắp nơi cầu sanh thì căn nhất định không thiếu. Đây là nói về các căn như nhãn – nhĩ... chứ không phải căn của nam nữ, vì Trung hữu cõi Sắc không có căn ấy, Trung hữu cõi Dục thì căn ấy cũng không chắc chắn, trước mặt tiếp nhận lại là noãn sanh và thai sanh, trú vào phần vị Trung hữu có nam căn, đến trong noãn và thai mới có sự không đầy đủ. Nếu không như vậy thì sẽ không có sự xác đáng của nghĩa tiếp nhận noãn sanh và thai sanh. Hỏi: Hành tướng của Trung hữu các đường như thế nào? Đáp: Trung hữu địa ngục là đầu dưới chân trên mà hưởng về địa ngục, cho nên Già tha kệ nói:

Điên đảo rơi vào chốn địa ngục,

*Chân phía trên đầu quay xuống dưới,
Bởi vì hủy báng các vị Tiên,
Thích vắng lặng tu hành khổ hạnh.*

Trung hữu các trời này thì chân phía dưới đầu phía trên, như người dùng mũi tên ngược lên bắn vào hư không, lên cao mà đi đến nơi cõi trời. Trung hữu loài khác đều đi theo chiều ngang, như chim bay giữa hư không tìm đến nơi cần đến. Lại như trên bức tường họa thành hình vị Tiên bay lượn, toàn thân đi theo chiều ngang cầu tìm nơi sẽ sanh ra.

Hỏi: Hành tướng của Trung hữu đều như vậy chăng? Đáp: Không nhất định đều là như vậy, mà dựa theo người mạng chung trong loài người để nói. Nếu ở địa ngục chết đi thì sanh trở lại địa ngục, không nhất định là đầu dưới chân trên mà đi. Nếu trong loài trời chết đi sanh tử trở lại trong loài trời, thì không cần phải chân dưới đầu trên mà đi. Nếu ở địa ngục chết đi sanh vào loài người, thì cần phải là đầu hướng lên cao. Nếu trong loài trời chết đi sanh vào loài người, thì thuận theo đầu quay xuống dưới. Trung hữu của hai đường quý và bàng sanh, thuận theo nơi chốn mà dừng lại, như vậy nên biết.

Tiếp theo dựa vào luận hỏi Trung hữu lúc sanh là có ý phục hay không? Luận đáp: Trung hữu cõi Sắc có y phục, bởi vì trong cõi Sắc tăng thêm sự tầm quý, tầm quý chính là y phục của pháp thân. Như pháp thân ấy có đủ y phục tốt đẹp, sanh thân cũng như vậy, cho nên Trung hữu ấy thường cùng với y phục đầy đủ. Trung hữu cõi Dục phần lớn không có y phục, bởi vì trong cõi Dục phần lớn không có tầm quý, chỉ trừ ra Bồ tát và Tỳ khưu Ni trong sáng, khi tiếp nhận thân Trung hữu, luôn luôn có y phục tốt đẹp tuyệt vời. Có sư khác nói: Trung hữu của Bồ tát cũng không có y phục, chỉ riêng hàng Tỳ khưu Ni trong trắng khi tiếp nhận thân Trung hữu thường cùng với y phục đầy đủ.

Hỏi: Vì sao Trung hữu của Bồ tát không có y phục mà Tỳ khưu Ni trong sáng lại có y phục?

Đáp: Tỳ khưu Ni trong sáng dùng y phục cúng dường tứ phương Tăng, cho nên Trung hữu của họ thường có y phục.

Hỏi: nếu vậy thì Bồ tát ở đời quá khứ, dùng y phục tốt đẹp cúng dường tứ phương Tăng, Tỳ khưu Ni trong sáng đã cúng dường y phục, nhiều như vi trần còn không làm sao sánh được, thì tại sao Trung hữu của Bồ tát không có y phục, mà Tỳ khưu Ni ấy lại có y phục?

Đáp: Bởi vì nguyện lực của họ khác với Bồ tát, nghĩa là Tỳ khưu Ni trong sáng dùng y phục dâng cúng tứ phương Tăng rồi, liền phát nguyện rằng con nguyện đời đời thường mặc y phục, thậm chí là thân

Trung hữu cũng không để lộ hình hài. Do nguyện lực ấy đã dẫn dắt phát sinh, nơi được sanh ra luôn luôn có nhiều y phục, thân cuối cùng của họ đã tiếp nhận trạng thái Trung hữu, thường có y phục đi vào vị trí trong thai mẹ, cho đến lúc sanh ra y phục vẫn không xa lìa hình thể., như thân ấy dần dần lớn lên, sau xuất gia thọ giới đầy đủ rồi, chuyển thành ngũ y, cần mẫn tu theo chánh hạnh, không bao lâu thì chứng quả vị A la hán, cho đến sau khi Niết-bàn, liền dùng y này quấn thân mà hỏa táng. Bồ tát trong quá khứ ba vô số kiếp, đã tu các loại thiện hạnh thù thắng, đều hồi hướng cho vô lượng Bồ đề, làm lợi ích an lạc các chúng sanh. Do hạnh nguyện này, tuy có đủ tướng tốt, mà không có y phục. Nguyện lực có khác biệt không cần phải làm cho khó xử.

Tiếp tục dựa vào luận hỏi: Ở phần vị Trung hữu có cung cấp đoàn thực hay không?

Đáp: Trung hữu cõi Sắc không cần cung cấp đoàn thực, Trung hữu cõi Dục cần phải cung cấp đoàn thực.

Hỏi: Trung hữu cõi Dục đoàn thực như thế nào? Đáp: có nơi giải thích như vậy “ Trung hữu cõi Dục, đến nơi có thức ăn thì ăn thức ăn đó, đến chỗ có nước uống thì uống nước ấy, nhờ sự ăn uống đó để tự giúp mình tồn tại”. Nói như vậy là phi lý, vì sao như vậy? Bởi vì Trung hữu rất nhiều, khó mà chu cấp được, nghĩa là trong kinh điển giải thích: Như từ trong những cái bọc lớn trút ra các loại gạo, lấy bỏ vào trong nỏ vạc số lượng rất nhiều, chúng sanh năm đường đã tiếp nhận trạng thái Trung hữu, phân tán ở khắp nơi có số lượng vượt quá số gạo kia. Nếu họ thọ dụng các thứ ăn uống kia, thì tất cả thế gian vốn có đồ ăn thức uống, chỉ cần cung cấp đủ cho Trung hữu của một loại chó, hãy còn không chu cấp được, huống là Trung hữu loại khác mà có thể đầy đủ được ư? Và lại, thân Trung hữu đã hết sức nhỏ bé mong manh, tiếp nhận thức ăn thô nặng thì thân sẽ bị hủy hoại. Nên nói như vậy: Trung hữu ăn mùi hương, chứ không ăn vật chất thô nặng. Vì thế không có sai lầm như trước đây, nghĩa là hạng có phước thì hưởng các loại thức ăn hoa quả thanh tịnh cùng những loại mùi hương nhẹ nhàng vi diệu, để tự tồn tại; nếu hạng không có phước thì hưởng các loại rác rưởi hôi thối nát rữa, các loại thức ăn ít có mùi hương tốt lành, để tự tồn tại; nhưng những thức ăn kia rất ít mùi hương, Trung hữu tuy nhiều mà vẫn chu cấp được.

Tiếp theo dựa vào luận dẫn lời trong kinh, Đức Thế Tôn giải thích như vậy: Ba sự hòa hợp được vào thai mẹ, cha mẹ cùng có tâm niệm trước hòa hợp, thân mẹ điều hòa thích hợp không có họa, lúc này với Kiện đạt phước đang tồn tại ở phía trước. Kiện đạt phước này vào lúc ấy

hai tâm xoay chuyển theo nhau hiện rõ trước mặt mà tiến vào thai tạng của mẹ. Ba sự hòa hợp trong này là: 1- Cha mẹ cùng ái ân hòa hợp; 2- Thân mẹ lúc này điều hòa dễ chịu; 3- Kiện đạt phược lúc này đang có mặt ở phía trước. Lúc cha mẹ cùng có tâm nhiệm ái hòa hợp, nghĩa là cha mẹ cùng dấy lên thêm muốn dâm dục mà cùng nhau giao hợp. Thân mẹ lúc này điều hòa dễ chịu không có bệnh hoạn, nghĩa là mẹ dấy lên tham muốn cảm thấy thân tâm vui sướng, gọi là thân điều hòa dễ chịu. Người trì luật giải thích: Do mẹ dấy lên tham muốn mà thân tâm vẫn đục, như nước mùa Xuân mùa Hạ đục ngăm mà chảy ra, không thể nào tự giữ lại được nên gọi là thân vẫn đục. Bụng mẹ thanh tịnh không có gió nóng và đàm và đờm giải, càng thúc bách nhau khẩn thiết, cho nên gọi là không bệnh hoạn gì. Từ đó trong 9 tháng hoặc là mười tháng, giữ gìn thai nhi khiến không bị hư hoại. Nói rằng lúc này, nghĩa là sắc thân của mẹ có điều xấu bản xảy ra, ngày thnág thường có máu loãng chảy ra, lúc này nếu quá nhiều thì do sự ẩm ướt cho nên không thể thành thai được, điều này nếu quá ít thì vì khô đặc cho nên cũng không thành thai. Nếu như máu loãng không ít không nhiều, không khô không ướt, thì nói có thể thành thai, gọi là lúc thích hợp. Lúc Trung hữu này tiến vào thai, nghĩa là máu loãng của mẹ vào lúc cuối cùng còn lại có hai giọt, tinh của cha cuối cùng còn lại có một giọt, xoay quanh hòa hợp mới được thành thai. Đến lúc Kiện đạt phược chính thức hiện ra ở phía trước, nghĩa là chính Trung hữu hiện có mặt ở trước chỗ này chứ không phải ở nơi khác, không trước không sau. Kiện đạt phược này, vào lúc ấy xoay chuyển theo nhau hiện rõ trước mặt mà tiến vào thai tạng của mẹ, nghĩa là lúc Kiện đạt phược sắp tiến vào thai, đối với cha đối với mẹ phát sinh hai tâm lý yêu ghét, lần lượt hiện khởi rồi mới được đi vào thai. Nếu thân Trung hữu là nam thì lúc sắp đi vào thai, đối với mẹ khởi niệm yêu thích - đối với cha khởi niệm căm ghét; nếu thân Trung hữu là nữ thì lúc sắp đi vào thai, đối với cha dấy niệm yêu thích - đối với mẹ dấy niệm căm ghét.

Tiếp theo dựa vào luận hỏi: Trung hữu theo nơi nào đi vào trong thai mẹ? Đáp: Có khi giải thích rằng Trung hữu không ngăn ngại gì, tùy chỗ nào ưa thích thì theo chỗ ấy mà đi vào thai. Hỏi: Nếu thân Trung hữu không ngăn ngại gì, tùy chỗ ưa thích thì theo chỗ ấy mà đi vào thai. Hỏi: Nếu thân Trung hữu không có gì có thể chướng ngại, thì tại sao dựa vào cư trú trong thai mẹ như vậy? Đáp: Nghiệp lực đã câu thúc cho nên dựa vào đây mà cư trú. Nghiệp lực của chúng sanh không thể nghĩ bàn được, không có vật gì chướng ngại khiến cho có chướng ngại, vì vậy đối

với điều này không cần phải làm cho khó xử. Nên nói như vậy: Trung hữu đi vào thai chắc chắn theo nơi nó đã sanh ra, vốn là nơi tiếp nhận, do lý lẽ này hướng về các cặp sinh đôi, sinh ra sau là lớn hơn, vì sao như vậy? Bởi vì người vào thai trước, chắc chắn phải ra sau. Hỏi: Trung hữu của Bồ tát vào thai theo chỗ nào? Đáp: theo sườn bên phải đi vào đích thực biết là vào thai, đối với mẹ nghĩ là mẹ, bởi vì không có ý niệm dâm ái. Lại có người nói: Từ nơi sanh ra mà đi vào, bởi vì các loài noãn sanh - thai sanh theo pháp nên như vậy. Hỏi: Luân Vương - Độc Giác trước phần vị Trung hữu theo chỗ nào đi vào thai? Đáp: Theo sườn bên phải đi vào đích thực biết là vào thai, đối với mẹ nghĩ là mẹ, bởi vì không có ý niệm dâm ái. Lại có người nói: Từ nơi sanh ra mà đi vào, bởi vì các loài noãn sanh - thai sanh theo pháp nên như vậy. Có Sư khác nói: Phước tuệ của Bồ tát tăng lên đạt tới cực điểm, vì vậy lúc sắp vào thai không có ý tưởng điên đảo, không dấy lên dâm ái; Luận Vương - Độc Giác tuy có phước tuệ mà không tăng lên đạt tới cực điểm, lúc sắp vào thai tuy không có ý tưởng điên đảo, nhưng cũng dấy khởi dâm ái, cho nên chỗ đi vào thai cần phải theo nơi sanh ra mà đi vào.

Tiếp theo dựa vào luận dẫn luận Thi Thiết giải thích: Nếu cha mẹ kia có phước nghiệp tăng lên cao, phước nghiệp của con kém cõi thì không tiến vào thai được. Nếu cha mẹ kia có phước nghiệp kém cõi mỏng manh, phước nghiệp của con trội hơn thì không thể nào tiến vào thai. Phước nghiệp của cha mẹ và con cần phải ngang nhau mới có thể tiến vào thai. Hỏi: Nếu người đàn ông giàu sang cùng với người đàn bà nghèo hèn giao hợp, hoặc là người đàn bà giàu sang cùng với người đàn ông nghèo hèn giao hợp. Trung hữu cũng được vào thai là như thế nào? Đáp: Lúc người đàn ông giàu sang cùng với người đàn bà nghèo hèn giao hợp, chắc chắn đối với chính mình dấy lên ý tưởng xấu kém, đối với người đàn bà ấy sanh ra ý tưởng tôn quý tốt đẹp. Lúc người đàn bà giàu sang cùng với người đàn ông nghèo hèn giao hợp, nhất định đối với chính mình sanh ra ý tưởng thấp kém, đối với người đàn ông kia dấy lên ý tưởng tôn quý tốt đẹp. Lúc người đàn ông nghèo hèn cùng với người đàn bà giàu sang giao hợp, chắc chắn đối với chính mình sanh ra ý tưởng tôn quý tốt đẹp, đối với người đàn bà kia dấy lên ý tưởng thấp kém. Lúc người đàn bà nghèo hèn cùng với người đàn ông giàu sang giao hợp, chắc chắn đối với chính mình dấy lên ý tưởng tôn quý tốt đẹp, đối với người đàn ông kia sanh ra ý tưởng thấp kém. Còn ở vào phần vị đối với cha mẹ lúc sắp đi vào thai, nên biết cũng như vậy, do đó lúc đi vào thai đều có nghĩa ngang bằng nhau.

Tiếp theo dựa vào luận hỏi về sự vi tế của Trung hữu, tất cả các loại tường vách – sườn dốc-cây cao – núi sâu ... đều không thể nào ngăn cản được, Trung hữu nơi này nơi kia có làm trở ngại nhau không? Có nơi nói như vậy: Trung hữu nơi này, nơi kia cũng không trở ngại gì nhau, bởi vì hết sức vi tế, lúc thân va chạm nhau không hề có cảm giác nhận biết. Lại có người nói: Trung hữu nơi này nơi kia cũng gây trở ngại lẫn nhau, bởi vì lúc gặp nhau, đôi bên xoay vòng theo nhau, cho nên có nói năng.

Hỏi: Nếu như vậy lẽ nào nói rằng Trung hữu không có gì ngăn ngại?

Đáp: đối với sự không ngăn ngại khác, chứ không phải nói là Trung hữu. Hỏi: Trung hữu nơi này nơi kia đều ngăn ngại nhau chăng?

Đáp: Tự chủng loại của mình ngăn ngại lẫn nhau chứ không phải đối với chủng loại khác, nghĩa là Trung hữu địa ngục chỉ ngăn ngại đối với Trung hữu địa ngục, cho đến Trung hữu loài trời chỉ ngăn ngại đối với Trung hữu loài trời. Có nơi giải thích như vậy: Thua kém ngăn ngại đối với tốt đẹp, bởi vì thô nặng; tốt đẹp không ngăn ngại thua kém, bởi vì nhanh chạy nhẹ nhàng, nghĩa là Trung hữu địa ngục ngăn ngại đối với Trung hữu năm loài khác, Trung hữu bàng sanh ngăn ngại đối với Trung hữu loài khác, Trung hữu cõi quỷ ngăn ngại đối với Trung hữu ba loài khác, Trung hữu loài người ngăn ngại đối với Trung hữu hai loài khác, Trung hữu loài trời chỉ ngăn ngại đối với Trung hữu loài trời mà thôi.

Phân thứ năm: NGŨ SANH

Như luận Địa Trì nói: “Bồ tát sanh ra có năm loại, trú vào tất cả các hạnh, làm an lạc cho tất cả chúng sanh. Đó là: 1- Sanh chấm dứt khổ đau; 2- Sanh tùy theo chủng loại; 3- Sanh hơn hẳn; 4- Sanh tăng lên cao; 5- Sanh lần cuối cùng.

Bồ tát vì nguyện lực cho nên vào đời gặp nạn đói kém thọ thân các loài cá lớn, dùng thịt cứu giúp cho tất cả chúng sanh; đối với đời gặp nhiều bệnh tật thì làm bậc Đại Y Vương, chữa trị cứu giúp mọi căn bệnh; đối với đời gặp cảnh chiến tranh thì làm vị Đại Lực Vương cứu giúp chấm dứt chiến tranh, dùng pháp cảm hóa tà ma và các ác hạnh, vô lượng cảnh giới như vậy thấy đầy đều sanh đến, đây gọi là sanh chấm dứt khổ đau.

Bồ tát vì nguyện lực tự tại, đối với các loại chúng sanh như trời rồng quỷ thần ..., theo thứ tự làm não loạn lẫn nhau, và các ngoại đạo

khởi lên các tà kiến, đều sanh vào trong đó làm người đứng đầu dẫn dắt cho họ, khiến cho đi vào đường chánh, tuyên thuyết mở rộng cho họ, đây gọi là sanh tùy theo chủng loại.

Bồ tát dùng tánh mà thọ sanh, các báo ứng về thọ mạng sắc tướng đều hơn hẳn thế gian, đây gọi là sanh hơn hẳn.

Bồ tát thuận theo tâm thanh tịnh mà an trú, cho đến trú trong phần vị Bồ tát cao nhất, hưởng về cõi Diêm Phù Đề tự tại mà thọ sanh, tất cả nơi thọ sanh ở trong cảnh giới lạ lùng vô cùng, đây gọi là sanh tăng lên cao.

Bồ tát cao nhất trú trong thọ sanh điều phục nghiệp, vốn có các phần Bồ đề tăng lên cao đầy đủ không thiếu, sanh vào dòng Sát lợi - Bà-la-môn đạt được A nậu Bồ đề làm tất cả Phật sự, đây gọi là sanh lần cuối cùng.

Đời đời Bồ tát đều có đủ năm loại thọ sanh này, không sót lại gì không có gì hơn, vì vậy mau chóng đạt được A nậu Bồ đề”.

Còn luận Du Già nói: “Các Bồ tát sanh lược có năm loại thân nhiếp tất cả các sanh, tất cả Bồ tát thọ sanh không sai lầm gì, làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Sanh loại trừ tai họa; 2- Sanh tùy theo chủng loại; 3- Sanh trong xe thế lớn; 4- Sanh tăng lên cao; 5- Sanh tốt đẹp nhất.

Bồ tát đối với các nạn đối kém thì làm các loài cá lớn, cung cấp tất cả mọi nơi đều khiến cho no đủ; hoặc lúc có dịch bệnh thì làm bậc Đại lương y trừ hết dịch bệnh; hoặc lúc có chiến tranh thì dùng uy lực to lớn khéo léo trừ dẹp; hoặc lúc có vua chúa tán ác trị phạt phi lý, thì dùng nguyện lực to lớn thương xót đến tất cả; hoặc dấy lên tà kiến có năng lực loại trừ tà ác. Đây gọi là sơ lược nói về trừ bỏ tai họa liên tục xuất hiện.

Hoặc có Bồ tát, dùng nguyện lực to lớn sanh đến chủng loại khác, phương tiện cảm hóa dẫn dắt khiến cho loài ấy thực hành điều thiện. Đây gọi là sơ lược nói về thọ sanh tùy theo chủng loại.

Hoặc có Bồ tát bẩm tánh sanh thời, đã cảm được thọ lượng – hình sắc - dòng họ tự tại giàu sang, tốt đẹp bậc nhất, sự nghiệp đã làm mình của người cùng lợi ích. Đây gọi là sơ lược nói về thọ sanh trong xu thế lớn.

Hoặc có Bồ tát trú vào Thập Địa, làm thành báo ứng của Thập Vương, thù thắng bậc nhất, đã được thành tựu đầy đủ, liền nhờ vào nghiệp này tăng lên cao mà cảm được. Đây gọi là sơ lược nói về thọ sanh tăng lên cao.

Hoặc có Bồ tát, ở trong đời này Bồ đề tư lương đã tròn vẹn hết sức, hoặc sanh vào dòng dõi Quốc Vương rất cao quý, có năng lực thanh tịnh Đăng Giác thực hiện nhiều Phật sự. Đây gọi là sơ lược nói về thọ sanh lần cuối cùng.

Nếu các vị Bồ tát ở quá khứ – vị lai và hiện tại sanh vào nơi thanh tịnh nhân ái hiền đức tốt đẹp tuyệt vời, đều do năm loại sanh này thâm nhiếp, ngoài điều này ra không có gì vượt qua hay tăng thêm, chỉ trừ phạm địa Bồ tát thọ sanh. Tại vì sao? Bởi vì ý trong này chọn lấy Bồ tát có trí tuệ sanh ra quả Bồ đề to lớn làm nơi y chỉ, khiến cho các Bồ tát mau chóng chứng quả Bồ đề”.

Tụng rằng:

*Bốn loại sanh quả thật dễ chuyển,
Bệnh năm ấm khó mà chữa khỏi,
Thọ mạng báo thân tuy dài ngắn,
Cuối cùng thành mô mả hồng trần.
Không biết sáu sắc là mỗi câu,
Có thể làm đau thương mọi nơi,
Lại xót thương báo ứng luân hồi,
Khó thành tựu thân thể bất hoại.
Nhân duyên cảm ứng.*

Sơ lược ra hai chuyện: 1- Sa môn Chi Đạo Lâm thời Tấn; 2- Cư sĩ Tín Đ ô Nguyên Phương thời Đường.

1/ Thời nhà Tấn có Sa môn Chi Độn tự là Đạo Lâm, người vùng Trần Lưu, dáng vẻ thanh tú chất trực, là bậc thầy phong lưu trong chốn Lão – Thích, thường cùng với các Sư biện luận về chủng loại của vật, nói rằng trứng gà đẻ ra để sự dụng không đủ gọi là sát sanh, cùng với các loại bò bay máy cựa không thể trách phạt như nhau được. Sau đó Sư qua đời, bỗng thấy hiện hình đi đến trước mặt Chi Độn, tay cầm trứng gà ném xuống đất vỡ toang, thấy có gà con ra khỏi vỏ trứng mà đi lại. Chi Độn liền suy nghĩ hiểu ra và hối hận bởi lời nói của mình. Trong chốc lát sư và gà con đều mất dạng không thấy nữa.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.)

2/ Thời nhà Đường có Tín Đ ô Nguyên Phương là người huyện Phẫu Dương – Tương Châu, thữ trẻ có tiết tháo cao thượng, rất thích kinh Phật. Năm 29 tuổi, vào tháng Giêng mùa Xuân năm thứ năm thời Đường Hiến Khánh đột ngột qua đời. Sau khi chết hơn tháng, anh trai là Tăng Đạo Kiệt ở chùa Pháp Quán, tình cảm thương nhớ tha thiết, mới dẫn một thầy mo đến nhà, nhờ cầu hồn Nguyên Phương cùng chuyện

trò. Sư trong chùa Pháp Quán lại rất hiểu về pháp thuật, bèn làm một lá bùa thâu nhiếp được Nguyên Phương, khiến thầy mo hỏi nguyên do đích thực sự việc. Thầy mo không biết chữ, nhờ người biết viết cầm bút, thầy mo thấy Nguyên Phương trình bày lại, viết thành một tờ, cùng với bạn đồng học căn cứ theo việc làm trước đây, thuật lại đầy đủ ý từ trước đến nay, và hai bài thơ. Chính trong nhà đó cũng giữ lại bức thư kể chuyện, mạch văn theo thứ tự lời lẽ đau thương xót xa, thư ấy sơ lược có ý khuyên tu công đức, và mong niệm Phật chép kinh, cho rằng nghiệp sát sanh là tội lỗi rất lớn, không có tội gì hơn tội lỗi này. Lại nói: Nguyên Phương không vào địa ngục, cũng không vào trong loài quỷ, trước đây được quan cỡi âm phân xử, khiến làm con trai nhà Lý Nhân Sư ở Thạch Châu, nhưng vì Thạch Danh Viễn ở huyện Ngô Sơn – Lũng châu hướng về Hoa Nhạc cầu xin có con, bèn thay đổi cho làm con trai nhà họ Thạch. Lại nói: Ngày thọ sanh đến gần sát nên không thể dừng lại được nữa, từ tháng hai thọ thai, đến tháng mười hai ra đời, mong các anh yêu thương đi đến nơi ấy thăm nhau vậy. Nói xong rơi nước mắt mà đi. Tiết Đại Tạo ở Hà Đông ngụ cư tại Phẫu Dương, trước đây nhậm chức huyện lệnh Ngô Sơn tự nói rằng: Vốn có quen biết Danh Viễn. Tăng Tuệ Vĩnh – Pháp Chân ở ở chùa Trí Lực cùng nói chuyện này. (Chuyện trên đây trích là từ Minh Báo Thập Di Ký).

Thiên thứ 83: THẬP SỬ

Thiên này có bốn phần: Thuật ý, Hội danh, Mê lý, Đoạn chương.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Nghe rằng: Ba cõi ngủ mê mệt, đều bởi vì mười sử làm sào huyết; sáu giặc tìm chỗ dựa, thật sự mượn 5 trụ làm mãnh tướng. Khiến cho vọng tưởng hư cấu, mê hoặc điên đảo cùng dấy lên, vạn điều khổ tranh nhau ràng buộc, trăm mối lo tụ tập đầy đủ, thế là mười sử ruổi nhanh, mười thiên câu thúc, năm độn sử dễ chìm đắm, năm lợi sử khó kiềm chế, khổ quy tụ thuận theo dòng, từ vô thủy thường trôi nổi, đạo diệt khổ luôn trong sáng, dựa vào đâu có thể chứng?

Phần thứ hai: HỘI DANH

Mở đầu giải thích về tên gọi: 1- Thân kiến; 2- Biên kiến; 3- Tà kiến; 4- Giới thủ; 5- Kiến thủ; 6- Tham; 7- Sân; 8- Si; 9- Mạn; 10- Nghi.

Mười Sử này là gốc rễ của sanh tử, phàm phu điên đảo mê hoặc chưa từng quán xét lý lẽ, vọng chấp liên tục theo nhau không ra khỏi ba cõi, như công sứ thế gian đuổi theo tội nhân, gọi đó là Sử. Như luận Địa Trì nói: “Đuổi theo chuyển thành nghĩa, gọi đó là Sử”. Trong luận Tập Tâm nói: “Sử nó đuổi theo như hình ảnh đi giữa hư không”. Trong Thành Luận nói: “Sự đuổi theo của Sử giống như mẹ đi theo con, ở trong ba cõi thường có nghĩa đuổi theo”. Trên đây là giải thích tổng quát, từ đây trở xuống là giải thích tách biệt.

Thứ nhất là Thân kiến, cũng gọi là Ngã kiến, sắc - tâm dựa vào nhau, gọi đó là thân. Phàm phu ngu dốt không nhận ra điều này, chấp làm thành Ngã - Nhân. Từ sự mê muội đó, cho nên gọi là Thân Kiến. Bởi vì không phân biệt được sắc- tâm mà chấp làm Ngã, từ điều ấy mà dựng lên, cũng gọi là Thân kiến. Vì vậy kinh Thập Địa nói: “Thế gian thọ sanh đều bởi vì chấp Ngã, nếu lìa chấp Ngã thì không có thế gian nào để cho thân thọ sanh”. Vì vậy biết rằng Ngã kiến là nguồn gốc phát sanh phiền não. Do đó kinh Niết- bàn nói: “Như lúc sáu kẻ giặc lớn muốn cướp đoạt con người, cần phải dựa vào người ở bên trong. Nếu không có người bên trong thì sẽ bị đánh trả, giặc cướp sáu trần này cũng lại như vậy, muốn cướp đoạt thiện pháp, cần phải dựa vào cái có bên trong, tức là các tướng tri kiến thường lạc ngã tịnh bất không của chúng sanh. Nếu bên trong không có các tướng như vậy, thì giặc cướp xấu ác sáu trần không thể nào cướp được tất cả các thiện pháp. Người có trí, bên trong không có tướng này, nhưng phàm phu thì có. Vì vậy sáu trần thường đến xâm lấn chiếm đoạt tài sản thiện pháp, cho nên biết Ngã kiến là nguồn gốc sanh ra ác pháp diệt mất thiện pháp”. Còn trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Như bệnh làm tắc nghẽn cổ họng thì có thể mất mạng, trong tất cả các cái thấy chỉ có cái thấy chấp Ngã là có thể lập tức cắt đứt mạng sống của trí tuệ”.

Thứ hai là Biên kiến, nhân quả thế gian sanh diệt liên tục không dứt, không chắc chắn là đoạn hay thường, chính là lý Trung Đạo. Không trừ bỏ chấp trước thiên lệch, cho nên gọi là Biên kiến. Như Trung Luận nói: “Nhân quả thường sanh diệt liên tục cho nên đi lại không dứt, sanh diệt cho nên không thường còn, liên tục cho nên không dứt đoạn, vì vậy biết nhân quả ba đời nối tiếp nhau là đạo lý chính xác”. Còn trong Thành Luận nói: “Bởi vì Thế đế cho nên có thể trở thành Trung Đạo, bởi năm ấm nối tiếp nhau sanh ra cho nên không đoạn dứt, niệm niệm diệt đi cho nên không thường còn. Xa lìa hai khía cạnh đoạn – thường này gọi là Trung Đạo”. Do đó biết nhân quả không chắc chắn là đoạn

hay thường. Ở trong hiện báo phàm phu ngu muội không quán xét niệm niệm diệt đi đều là thường kiến, không quán xét niệm niệm mới sanh đều là đoạn kiến. Nếu đối với báo ứng vị lai mà ái chưa hết, thì theo nghiệp thọ sanh trong sáu đường không biết chắc đường nào. Người không phải là người bình thường, chẳng nhận ra điều này mà nói là thường, tức là thường kiến. Nếu nói là sau khi chết không thọ sanh lại nữa, tâm thức vĩnh viễn không còn, tức là đoạn kiến.

Thứ ba nói về Tà kiến, nghĩa là bài báng không có nhân quả, trái với chánh thì gọi là tà. Nếu dựa vào luận Câu xá, thì tất cả các loại kiến trái với lý mà dấy lên, đều là tà kiến, nhưng nói một loại kiến là tà kiến ấy, bởi vì loại kiến này tệt hại nhất, nó có thể đoạn mất thiện căn, cho nên nói là tà kiến. Nếu luận về Thân kiến – Biên kiến, tuy là tà không phải là chánh, dứt khoát là không nhận ra lý lẽ, chướng ngại đến Thánh đạo, nhưng không bài bác nhân quả, tà tâm không nặng lắm, không trở ngại gì tu thiện, vẫn cảm được niềm vui thế gian. Nếu như kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Những tội nặng vì không tin nhân quả – đoạn dứt cái học Bát-nhã, hơn cả tội giết tám vạn cha mẹ”. Đây là do tà kiến mà cảm đến báo ứng nặng nề này. Vì vậy Trung Luận nói: “Tà kiến có hai loại: 1- Phá hoại niềm vui thế gian, là tà kiến thô lậu, nói không có tội phước – không có Phật và Hiền Thánh, bỏ thiện làm ác; 2- Phá hoại đạo quả Niết- bàn, tham trước vào Ngã, phân biệt có – không, cho nên không đạt được đạo quả Niết- bàn”.

Thứ tư nói về Giới thủ, chỉ những người vọng chấp vào Giới thủ, tùy theo cái chấp khác biệt ấy mà tự nó có hai loại: Một là độc đầu, hai là túc thượng. Nói là độc đầu, đó gọi là một mực lấy trì giới làm đạo, hoặc là lấy khổ hạnh để làm đạo, hoặc lấy bố thí để làm đạo, thậm chí hoặc lấy tám sự thiền định cho là chân đạo. Những loại này dứt khoát lấy việc mà mình thực hành, không biết rằng trái với đạo, sai lầm chấp làm đạo, vì vậy gọi là độc đầu giới thủ. Nói là túc thượng, nghĩa là có người ngu dốt, không hiểu lý lẽ đúng đắn vọng lập nên đúng sai, nói là mình thấy đúng, lấy làm chân đạo, thì gọi là giới thủ. Sau giới thủ này dựa vào cái thấy trước đó sanh ra, cái thấy trước và giới thủ sau làm gốc, giới thủ đã dựa vào gọi là chân tướng. Vì vậy nói tâm của giới thủ sau, gọi là phiền não trên chân giới thủ. Vì vậy cho nên hành giả phải cố gắng suy nghĩ, đạo pháp khó nhận biết, cần phải hỏi bạn tốt, không được tin theo chính mình. Tâm ngu dốt nhận thức trái ngược, sai lầm chấp trái với cái đúng, trở lại thành bất thiện. Nên biết rằng đạo, chỉ là tuệ quán, các thiện pháp như giới – định là duyên sơ sài vốn có,

cần phải quán xét sắc – tâm chúng sanh không phải là Ngã, thấy được lý này mới là trí xuất đạo. Ngoài điều này ra thì các loại đều sai. Vì vậy nếu chấp pháp thiện khác là đạo, thì đều giống như người ngu; chấp giới là đạo, thì cùng chung tên gọi thuộc về giới thủ phiền não. Cho nên luận Câu Xá nói: “Trái với con đường Trung Đạo, thì gọi là giới thủ kiến”.

Còn luận Thập trú Tỳ Bà Sa nói: “Đức Phật bảo với Ca Diếp: có bốn loại Tỳ khuu phá giới mà giống như là trì giới. Những gì là bốn loại? Đó là: 1- Có Tỳ khuu, ở trong giới kinh đều có thể thực hành đầy đủ, mà nói là có Ngã, thì gọi là phá giới nhưng giống như trì giới. 2- Có Tỳ khuu, tụng trì kinh luật giữ gìn giới hạnh, ở trong Thân kiến không xao động, không xa lìa, thì gọi là phá giới nhưng như trì giới. 3- Có Tỳ khuu, thực hành đầy đủ 12 hạnh đầu đà, mà thấy các pháp chắc chắn là có, thì gọi là phá giới nhưng giống như trì giới. 4- Có Tỳ khuu, duyên với chúng sanh thực hành Từ tâm, nghe các hành không có tướng sanh thì tâm kinh sợ, đây gọi là phá giới nhưng giống như trì giới”. Lấy văn này chứng minh, cho nên biết người ngu dốt tuy y theo giới hạnh thân miệng không sai lầm gì, nhưng lầm chấp trái với lý thì tâm không có Đạo giới. Nếu có thể quán xét nhìn nhận sắc tâm là Vô Ngã, thì trí này thanh tịnh mới có Đạo giới. Giới hạnh đã như vậy, thì thí - nhĩn ... cũng như vậy.

Thứ năm nói về Kiến thủ, loại này cũng có hai: Một là độc đầu, hai là tức thượng. Nói là độc đầu, nghĩa là khăng khăng chọn lấy thiện pháp hữu lậu và quả hữu lậu của thế gian, cho rằng tốt đẹp tuyệt với bậc nhất, đó gọi là độc đầu. Như người cứ mãi chọn lấy quả báo Vô Tướng Thiên, chấp làm Niết- bàn, nói là tốt đẹp bậc nhất, lại đối với sự bất tịnh trong thân nói là thanh tịnh. Như vậy đều gọi là độc đầu kiến thủ. Nói là tức thượng, nghĩa là người không phân biệt được pháp vọng tưởng thiết lập đúng sai, nói rằng mình thấy là đúng, còn lại đều sai, thế là lập tức sanh tâm phân biệt, ở trên cái thấy của mình chấp là bậc nhất. Vì vậy cho nên gọi là tức thượng kiến thủ. Như dấy lên Thân kiến thì đó là cái Ngã điên đảo, người ngu dốt không hiểu sau đó lại dấy khởi tâm niệm, lấy Thân kiến trước đó cho là bậc nhất. Kiến thủ như vậy gọi là tức thượng, nghĩa còn lại giống như giải thích ở trước đây. Điều này đã giống như trước thì có gì sai biệt? Nếu chấp sự nghiệp hữu lậu của thế gian, giữ lấy cho là đạo, thì gọi là Giới thủ; nếu chấp là hơn hẳn, thì gọi là Kiến thủ. Cho nên luận Câu Xá nói: “Tất cả các pháp thuộc về Hữu, các bậc Thánh nhân đều từ bỏ. Vì vậy chấp pháp này là tốt đẹp nhất, thì gọi là Kiến thủ”. Còn trong Thành Luận nói: “Nếu người trì giới thật

là thanh tịnh, gọi là Giới thủ kết, thì nói là đã giữ lấy; cho là chân thật, còn lại đều vọng ngữ, gọi là Kiến thủ kết. Nếu nói là pháp thế gian bậc nhất, thì đều giống như người ngu dốt, lấy cái thấy làm hơn hẳn, vì vậy cùng chung tên gọi là Kiến thủ phiền não”.

Lại trong luận Tân bà Sa: “Hỏi: Kiến thù này ở trong khoảng một sát na làm thế nào đoạn dứt được? Đáp: Tánh sắc bén mạnh mẽ, cũng có thể đoạn dứt được. Người vốn có chấp, nghĩa là luôn luôn chấp chặt, cho nên gọi là Kiến. Kiến này đối với cảnh kỳ lạ thì chấp trước rất chặt, không phải là lưỡi dao Thánh tuệ thì không biết làm sao khiến cho bỏ được, không phải là đệ tử Phật cầm con dao Thánh tuệ cắt đứt cái Kiến kia thì chiếu rắng vẫn còn không khiến cho từ bỏ được. Như có loại thú biển tên gọi Thất ma la đã cắn vào vật gì thì không phải là dao không thể nào tách ra được, nghĩa là nếu loài thú kia cắn vào các loại cây cối, thì cần phải chặt đứt rắng của nó mới khiến cho từ bỏ được. Như có tụng rằng:

*Người ngu si đã thọ trì rồi,
Như loài cá chiên đã ngậm vật,
Loài Thất Thủ Ma la cắn vào,
Không phải dao không thể trừ được.*

Bởi vì đi sâu vào sở duyên, nghĩa là tánh sắc bén mạnh mẽ đi sâu vào sở duyên, giống như cái kim rơi xuống bùn, cho nên gọi là Kiến”.

Thứ sáu nói về sai lầm của Tham Sứ. Tham thì quả là rất nhiều, hoặc là yêu quý bản thân mình – yêu thích thân thể người khác, hoặc là yêu quý vợ con – nhà cửa – ruộng vườn, hoặc yêu quý thiện pháp như yêu quý Bồ đề quả Phật ... Nếu y theo Đại thừa mà nói thì đây đều là Sứ, nếu y theo Tiểu thừa thì tham cái thiện không phải là Sứ. Nói đầy đủ khó mà hết được, chỉ sơ lược kể ra như vậy mà thôi.

Thứ bảy nói về sai lầm của Sân Sứ. Đó gọi là những trạng thái phiền muộn – căm ghét – ganh tỵ – không vừa ý, những phiền não như vậy đều là Sân Sứ. Trong luận Đại Trang Nghiêm nói: “Thân giống như củi khô, sân giận như ngọn lửa, chưa đốt cháy được người ta mà trước tiên từ đốt cháy chính mình”. Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Tâm sân giống như ngọn lửa đốt cháy tất cả các giới cấm, sân hận giống như chiếc rìu lớn luôn luôn phá nát chiếc cầu giáo pháp, nó trú ở trong tâm như kẻ thù vào nhà, cho nên biết đấy niệm sân hận làm chướng ngại đến những thiện pháp”. Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Trong mọi điều xấu ác không có gì hơn niệm sân hận này, dấy lên một niệm tâm sân hận thì chịu trăm ngàn sự chướng ngại đến pháp môn”.

lại trong kinh Bồ tát Địa nói: “nếu các Bồ tát phạm vào các lỗi tham giống như hằng sa, vẫn không gọi là hủy hoại giới. Nếu phạm phải một nhân duyên của sân hận, thì gọi là phá giới”. Tâm sân hận có thể từ bỏ chúng sanh, tâm tham ái có thể bảo vệ chúng sanh, không gọi là phiền não; sân hận từ bỏ chúng sanh, gọi là phiền não nặng nề. Vì vậy cho nên Như Lai ở trong kinh nói rằng: “Tham kết khó đoạn dứt không gọi là nặng nề, sân hận dễ đoạn trừ gọi nó là nặng nề”. Điều này cũng sơ lược kể ra, nói đầy đủ khó mà hết được.

Thứ tám nói về sai lầm của Si Sử. Nếu dựa vào Tỳ Đàm, thì tâm si ám là thể không có trí tuệ sáng suốt đúng đắn, cho nên gọi là Vô minh. Lại trong luận Tỳ Đàm giải thích: “Vô minh Sử có hai loại của nó: 1- Bất cộng; 2- Tương ứng. Nói về Bất cộng, là đối với bốn Đế lý và đối với các loại sắc-thanh-hương-vị-xúc, duyên theo mà không hiểu rõ tức là Vô minh. Đây là chỉ riêng Vô minh chứ không hòa hợp với tất cả các Sử, gọi là Bất cộng Vô minh. Hai là Tương ứng Vô minh, trừ Bất cộng trước đây, tất nhiên còn lại tất cả các tâm không có sự hiểu biết trong các phiền não, gọi là Vô minh; hợp với các Sử, gọi là Tương ứng Vô minh”. Nếu dựa theo Thành Luận, thì Vô minh cũng có hai loại: 1- Thủ tánh; 2- Hiện khởi. Nói về Thủ tánh, chính là mặc ý vận dụng pháp mê muội không thật tập hợp lại che kín tâm giữ lấy tánh chỉ là trái lý, tánh ác không thiện. Vô minh sâu kín này, các phàm phu thường có, vì vậy cần phải ở trong pháp thiện vô ký, quán xét vô tánh mới có thể loại trừ dần dần. Do đó lúc thực hành pháp thiện cần phải quán xét vô tánh, mê sự lấy tánh thì trở thành hữu lậu.

Thứ chín nói về sai lầm của Mạn Sử. Dựa vào luận thì mạn có 8 loại: 1- Thăng thấn gọi là Mạn, nghĩa là đối với hoàn cảnh thấp kém thì cho mình là cao- người kia là thấp, ở nơi ngang nhau thì lại chấp là chơn kém, bởi vì quá tùy tiện như vậy, cho nên thăng thấn gọi là Mạn. Loại này không dựa thế vào đâu tại sao trở thành mạn? Trong Thành Luận giải thích rằng: “Trong chỗ này có sai lầm là chấp vào Ngã tướng, cho nên nói là Mạn, nghĩa là người có hơn kém, chỉ do tâm phân biệt hiểu rõ, nếu biết tâm tốt đẹp xứng với thực tế thì không sai trái gì, không nhận ra pháp như vậy, chấp mình hơn hẳn người ta và cùng với đẳng cấp của mình thì có tâm cậy thế mình hơn, cho nên gọi là Mạn”. 2- Đại Mạn, nghĩa là ở nơi như nhau mà sự cho rằng mình là lớn, cho nên gọi là Đại Mạn. 3- Man Mạn, nghĩa là đối với hoàn cảnh cao hơn thì nói là mình hơn hẳn người ta, đây là sai lầm nghiêm trọng nhất, cho nên gọi là Mạn Mạn. 4- Không bằng mà Mạn, nghĩa là đức hạnh của người ta

hơn mình càng xa với, mình tu nghiệp lành bao đời mới có thể giống như người ta được, thì nói là hiện nay ít không bằng người ta, vì vậy mà xúc phạm đến nhiều khía cạnh của người ta, gọi là không bằng mà Mạn. 5- Ngạo Mạn, nghĩa là đối với cha mẹ – thầy dạy ở địa vị cao nhưng không chịu cung kính, cho nên gọi là Mạn Mạn. 6- Ngã mạn, nghĩa là ở trong pháp sắc – tâm vô ngã chấp vào Ngã mà tự cao, cho nên gọi là Ngã Mạn. Đây là tâm chấp Ngã trong các loại Mạn, một loại Ngã Mạn này khó điều phục đoạn trừ nhất phải thành tựu quả vị La hán mới có thể trừ bỏ hết được. Nhưng các phàm phu ngu dốt không học hỏi cách thức quán xét, đừng hỏi gì đến thô và tế mà Ngã kiến đều kiên cố vô cùng, vì vậy gọi là chỉ rõ tướng Ngã Mạn. Nếu có thể quán xét theo lý thành Thánh, thì Ngã kiến của người học sẽ nhỏ lại mà phần đoạn trừ cái khổ hiển hiện rõ ra, vì vậy gọi là không nêu rõ tướng Mạn. 7- Tăng thượng Mạn, nghĩa là chưa đạt được Thánh quả mà nói là đã đạt được; bởi vì Thánh trí ấy là cái hành tăng thượng, ở trong pháp xuất thế tăng thượng này mà khởi tâm sinh ra Mạn, gọi là Tăng thượng Mạn. 8- Tà mạn, nghĩa là những người ác không có đức hạnh, tự cao cậy thế hiển xúc phạm đến người khác, cho nên gọi là Tà Mạn. Đây là tám loại tâm lý về mạn, tất cả đều gọi là phiền não Mạn Sử.

Thứ mười nói về sai lầm của Nghi Sử. Nghi có hai loại: 1- Nghi về sự, như ban đêm trông thấy cây cối nghi là mọi người đang đứng yên. Tâm nghi về sự này không dẫn đến sanh Sử này. Vì vậy trong luận Trí Độ nói: “A la hán tuy không còn nghi ngờ gì trong bốn Đế, nhưng trong tất cả các pháp nơi nào cũng có nghi ngờ”. Những sự nghi ngờ này, nếu theo Đại thừa thì do vọng tâm mù mờ, dẫn đến cái chết của Biến dịch, cũng nói là Sử. 2- Nghi về lý, nghĩa là các pháp thân tâm sanh diệt chẳng có Ngã, nghi ngờ nói là thường có Ngã, gọi là nghi ngờ về lý. Vì vậy trong Thành Luận hỏi: Nghi ngờ có sai lầm gì? Đáp: Nếu người nhiều nghi ngờ, thì tất cả mọi sự việc thế gian và xuất thế gian đều không thể nào thành tựu được; lại nghi ngờ pháp không thể học được, nghi ngờ thầy không thể cung kính họ được, nghi ngờ chính mình không phải là lúc học hỏi. Nếu phát sanh ba loại nghi ngờ này, thì cũng là nguồn gốc chướng ngại cho đạo. Chỉ dấy tâm quyết định học hỏi, không cần phải nghi ngờ ba sự việc này. Phàm phu không quán sát lý lẽ chẳng hỏi trên dưới, đều có mười sử. Cõi phía trên tuy không Sân Sử hiện bày thô hiển, nhưng đương nhiên chín sử còn lại thường xuyên có đủ. Người tu đạt được Định, tuy điều phục được phiền não cõi Dục, nhưng bởi vì có Sử này cho nên không đạt được quả xuất thế.

Phần thứ ba: MÊ LÝ

Lời bàn: Mê lý không như nhau, bởi vì chúng sanh từ vô thủy đến nay lưu chuyển trong sanh tử, không thể nào đoạn trừ phiền não, không làm sao đạt được quả xuất thế, khiến cho phiền não mười sử trở thành nghiệp chủ động ngăn trở, bốn pháp chân đế trở thành lý bị ngăn trở. Nói là bốn Đế, thì một là Khổ, hai là Tập, ba là Diệt, bốn là Đạo. Giải thích đầy đủ nhân quả bốn Đế theo thứ tự lớn nhỏ giống khác, thì sợ rằng vẫn vừa nhiều vừa rối nên không thuật lại, nay tạm giải thích sơ lược về tên gọi ấy khiến biết được nhân quả vậy thôi. Sanh diệt vô thường theo lý thật sự là khổ, bức bách hành giả gọi là khổ đế. Đế là nghĩa thật sự, đích xác như vậy không sai, cho nên gọi là Đế. Ba Đế sau có nghĩa giống như một cách giải thích này. Hữu lậu thiện ác đều luôn luôn sanh ra quả, lý chính là nhân tụ hội nên gọi là Tập đế. Phiền não giải quyết hết gọi là diệt, lý thật sự không sanh khởi, gọi là Diệt đế. Quán xét lý trừ diệt bề tặc, điều này thật sự không giả dối, gọi là Đạo đế. Nền ngay nơi một con người luận về bốn Đế, nghĩa là quả báo hữu lậu khổ và vui của thân tâm này, đó là Khổ đế. Nếu không quán xét lý dấy khởi thiện ác, cho đến tám thiền, đó là Tập đế. Nếu quán xét thân tâm sanh diệt vô ngã, ngay nơi trí quán xét này, đó là Đạo đế. Nhờ vào trí của đạo này lúc thấy rõ vô ngã, giải quyết được mê hoặc một cách quyết đoán, tức là Diệt đế. Nói về mê lý, thì luận bàn giải thích không giống nhau. Nếu dựa vào luận Tỳ Đàm nói: “Thân kiến và Biên kiến chỉ mê muội Khổ đế, nghĩa là phàm phu đều chấp vào báo ứng khổ đau làm Ngã, vì vậy Thân kiến duyên vào Khổ đế mà sinh ra, dựa vào báo ứng khổ đau của thân mà chấp là Đoạn – chấp là Thường, vì thế Biên kiến cũng mê theo khổ báo mà sinh ra”. Do đó trong luận Tập Tâm nói: “Thân kiến và Biên kiến dấy khởi nơi quả, chỉ mê muội theo Khổ đế, cứ nghĩ rằng tội và phước là do Ngã tạo ra, không lấy nghiệp nhân thiện ác làm Ngã, vì vậy Thân kiến không dựa vào Tập mà dấy khởi, biết Tập không phải là Ngã cho nên không gọi là mê muội vì Tập. Biên kiến dựa vào thân cũng không nương theo tập, lại cũng không lấy Diệt-Đạo làm Ngã mà chấp Đoạn – chấp Thường. Nghĩa đều giống như vậy, vì thế Thân kiến và Biên kiến chỉ dựa vào báo ứng khổ đau nên gọi là mê muội theo Khổ đế”.

Nếu luận về Giới thủ mê muội theo Khổ và Đạo, nghĩa là có người ngu si cứ như vậy nghe nói, chịu khó thực hành khổ hạnh có thể đoạn được sanh tử, không biết là nói như vậy, để hiểu rằng đem dài khích lệ tâm tư, chịu khó quán xét Khổ – Không, mới đoạn được sanh

tử, tức là nói rằng trong sự đau khổ của thân chính là Đạo, không biết thân đau khổ chẳng phải là Thánh Đạo. Vì vậy Giới thủ mê muội theo Khổ đế mà sanh ra, hoặc có lúc không lấy khổ đau của thân làm Đạo, mà cứ chấp vào Giới và phước hạnh làm Đạo, đây là lấy nhân tụ tập chuyển sang làm Đạo. Như vậy Giới thủ gọi là mê muội theo Đạo đế, lý thật sự thì phàm phu ngu dốt không biết nhân tụ tập, vọng chấp vào đó làm Đạo, đúng là không nhận ra Tập, chỉ vì tâm mê muội kia không chấp phước hạnh lấy làm nhân của Tập, mới chuyển sang làm Đạo. Vì vậy không có thể gọi là mê muội theo Tập. Không giống như người chấp Khổ cho là Đạo, lấy Khổ làm Đạo, cho nên gọi là mê muội theo Khổ. Vì vậy Giới thủ, có người mê muội theo Khổ, có người mê muội theo Đạo, nhưng không mê muội đối với Tập. Diệt là Thánh quả, chúng sanh đều mong cầu, không chọn lấy cái Diệt mê hoặc làm nhân tố thực hành của Đạo, vì vậy Giới thủ không gọi là mê muội theo Diệt.

Nếu luận về Tà kiến – Kiến thủ và Nghi, thì ba loại này đều mê muội theo tất cả bốn Đế, có nghĩa là Tà Kiến bài bác không có nhân quả, bao gồm cả phàm phu và Thánh, vì vậy nói là tất cả đều mê muội. Nếu luận về Kiến thủ, thì đối với báo ứng của chính mình lấy làm bậc nhất, tức là mê muội theo Khổ; đối với việc làm của thiện nghiệp chấp là bậc nhất thì gọi là mê muội theo Tập. Nếu chọn lấy quả báo của Phạm Thiên- - Vô Tướng Thiên ... cho là Niết- bàn, thì gọi là mê muội theo Diệt; đối với Giới thủ kia thì Đạo đã nói lấy đó làm bậc nhất, gọi là mê muội theo Đạo. Vì vậy cho nên Kiến thủ thì mê muội tất cả bốn Đế. Nếu luận về tâm Nghi, thì đối với các nhân và quả của phàm Thánh, không biết là có hay không có, sanh ra nghi ngờ không chắc chắn, cho nên cũng mê muội cả bốn Đế.

Từ trước đến nay đã nói về Kiến và Nghi, chỉ mê muội về Đế lý, không gọi là mê muội về sự. Bởi vì mê muội theo lý, cho nên lúc quán xét thấy rõ lý biết là không hề có Ngã – Thân, mới đoạn trừ tâm Ngã và chứng thực biết được tuệ quán, có thể đoạn trừ phiền não phàm phu và nhân quả Khổ – Tập không phải là Đạo. Biết quán xét là Đạo mới đoạn được Giới thủ, chính là biết được Diệt- Đạo cho là bậc nhất, không lấy hữu lậu để làm điều tốt đẹp hơn, biết thế gian đáng chán bỏ mới đoạn trừ Kiến thủ. Vì thấy được bốn Đế không sinh ra nghi ngờ bài bác, chứng thực niềm tin quyết định mới đoạn trừ nghi ngờ sai lạc. Do đó Thân kiến – Biên kiến-Giới thủ-Kiến thủ-Tà kiến và Nghi, không nhận ra lý mà phát sanh tử lại thấy lý để đoạn trừ, không lấy sự việc của sắc-thanh... ngoài trần cảnh để làm Ngã – Nhân mà chấp đoạn chấp thường,

cho nên tuy đích thực biết rõ những sự việc của sắc-thanh, nhưng không đoạn trừ Ngã tâm cho đến Nghi Sử. Nếu luận về bốn Sử là tham-sân-si-mạn, thì cùng chướng ngại cho cái thấy và tu, lý sự đều không nhận ra, nghĩa là dựa vào cái thấy dấy khởi thì gọi là mê theo lý, nếu dựa vào sự việc sanh khởi thì gọi là mê theo sự. Dựa vào cái thấy dấy khởi, nếu luận về tham như yêu thích Thân kiến, thì gọi là tham, bởi vì yêu thích Ngã kiến cho tâm chuyển thành mê muội. Nếu lúc quán xét Sanh Không biết rõ Vô ngã, thì chỉ trích Ngã kiến, tham này sẽ đoạn trừ. Nếu luận về sân, lúc có Ngã tâm, nghe nói đến Vô ngã thì sanh ra sân hận; về sau lúc quán xét Vô ngã biết rõ Vô Nhân, nghe nói về Sanh Không thì tâm hoan hỷ, cho nên lúc nhận ra lý lẽ thì sân kia liền đoạn trừ. Dựa vào cái thấy dấy khởi si mê không biết sai lầm của cái thấy, sau đó vào lúc thấy rõ lý lẽ thì cái si ấy lập tức đoạn trừ. Dựa vào cái thấy dấy lên mạn, cậy vào cái thấy mà tự cao, sau đó vào lúc thấy rõ lý lẽ thì cái mạn kia lập tức đoạn trừ. Vì vậy các loại tham - sân... dựa vào cái thấy dấy khởi, cũng là mê muội theo lý, nhận ra lý lẽ mới đoạn trừ. Dựa vào những cái thấy khác mà dấy khởi, tương tự như vậy, có thể biết. Vốn nói các loại tham - sân..., dựa vào sự việc mà dấy khởi, nghĩa là dựa vào các trần cảnh là sắc-thanh-hương-vị-xúc-, từ đó dấy lên tham triền miên mãi khó mà đoạn trừ, do đó lúc thấy được lý lẽ vẫn có cái chưa đoạn trừ, sau trải qua tu đạo liên tục dần dần loại trừ; sân-man- và si cũng dựa vào sự việc đầu như vậy. Đây là nói về mười sử mê muội theo lý không giống nhau, mê muội theo Khổ có mười sử, mê muội theo Đạo có tám sử mê muội theo Tập của Diệt đều có bảy sử, mê muội theo sự có bốn Sử, hợp lại có ba mươi sáu loại, đây là nói về tâm của phàm phu cõi Dục. Nếu luận về trong tâm của phàm phu cõi Sắc thì có ba mươi một loại, bởi vì ở cõi ấy không có Sân Sử, ở trong năm hành đều trừ bỏ một loại, bốn Đế tu đạo gọi là năm hành, vì vậy chỉ có ba mươi một sử. Tâm phàm phu cõi Vô Sắc cũng có ba mươi một sử. Luận chung về ba cõi, toàn bộ có chín mươi tám sử, mê muội theo lý bốn Đế có chín mươi tám sử ba cõi mê muội theo sự thì hợp lại có mười loại. Đây là dựa theo Tỳ Đàm sơ lược giải thích như vậy. Nếu dựa theo Thành Luận thì mười sử phiền não đều có giữ lấy tánh, đều thông suốt lý lẽ, nghĩa là bốn Đế rộng rang không có tánh, cho nên cuối cùng vào lúc quán xét Đế rộng rang không có tánh, đoạn trừ giữ lấy tánh sâu nặng gọi là Kiến đạo, về sau vào lúc đoạn trừ phần vi tế thì gọi là Tu đạo. Đây là trình bày về mê muội theo lý không giống nhau.

Phân thứ tư: ĐOẠN CHỨNG

Lời bàn: mười sử phiền não này đoạn trừ có khó và dễ, nếu luận về tánh của Sử thì phàm phu luôn luôn có đủ. Nay nói về nhập đạo cho nên thuận rõ sự khó dễ ấy, nhưng các Kiến hoặc khó nhận biết mà dễ đoạn trừ, 4 Sử như tham-sân-si ... dễ nhận biết mà lại khó trừ bỏ. Kiến khó nhận biết, nghĩa là phàm phu thường mê muội. Lý dễ đoạn trừ, là thấy được lý lẽ thì không còn gì vướng vấn. Đó gọi là nếu có thể học hỏi quán xét về Vô ngã, lúc bắt đầu thấy được lý thì gọi là Sơ quả. Tức là trước tiên đoạn trừ được tám mươi tám sử, nhưng bắt đầu thấy được Đế thì có lợi độn khác nhau. Nếu là hàng lợi căn, thì quán xét tất cả các pháp, đều nhờ vào Vô tánh, không thấy Ngã-Nhân, trong một niệm đoạn trừ tám mươi tám sử, ngay một niệm này gọi là Kiến đạo. Nếu là hàng độn căn, thì quán xét bốn Đế riêng biệt, theo thứ tự dần dần đoạn trừ tám mươi tám sử.

Vì vậy trong luận Phật Tánh nói: “Nếu người lợi căn thì ở trong một niệm cùng quán xét bốn Đế, tám mươi tám sử cùng đoạn trừ ngay một lúc, đều gọi là Kiến Đế. Nếu người độn căn đối với thứ tự quán xét, thì niệm đầu tiên là quán xét về Khổ, không thấy được ba Đế còn lại, chỉ đoạn trừ được khổ”. Lấy văn này chứng minh, quán pháp chung hay riêng, đều có thể nhập đạo, không cần phải chấp vào một phạm trù nào cả. Nếu dựa vào các kinh chỉ dạy người nhập đạo, phần nhiều nói thẳng về quán xét sanh diệt vô ngã, thì đoạn trừ các Kết Sử thoát ra ngoài sanh tử.

Như kinh Địa Trì nói: “Thế gian thọ sanh đều do chấp Ngã. Nếu lìa bỏ chấp Ngã thì không có nơi thọ thân rồi sanh ra giữa thế gian”. Lại như kinh nói: “Người có tánh Duyên giác không hiểu rõ tên gọi pháp môn bốn Đế, cứ dựa vào sự duyên quán xét sanh là Vô ngã, trải qua đoạn trừ các kết sử vượt qua những Thanh văn, ở trong chỗ này dứt khoát thực hành quán xét Vô ngã, tuy không dấy lên cách hiểu riêng biệt về bốn Đế, nhưng lúc quán xét như vậy có đủ bốn Đế. Nghĩa là họ đã quán xét báo thân hữu lậu sanh diệt trong từng niệm, là lý của Khổ-tập, theo tên gọi của Khổ trước, sanh ra tên gọi của Tập sau đó, lúc biết rõ vô ngã là thấy được khổ, bất giờ Vô ngã tức là đoạn trừ quan hệ của tập, đã đoạn trừ không sanh nữa tức là chứng thực về Diệt, trí năng quán này chính là Thánh Đạo. Vì vậy lúc thẳng thắn quán xét Vô ngã, có đủ bốn Đế đoạn trừ kết sử được thoát ra, chứ không cần phải quán xét riêng biệt bốn Đế mới thoát ra”.

Do đó Thành Luận dẫn kinh giải thích rằng: Như trong kinh Chân

Thức Ca nói về các loại nhân duyên đặc đạo, không những dùng bốn Đế mà đặc đạo, cho nên biết nhập đạo không cần phải quán xét riêng biệt, quán xét tổng quát một hành Vô ngã cũng được. Nếu có thể nhận thức rõ ràng thân tâm Vô ngã, thì chính là Kiến Đạo. Đoạn trừ các Kiến hoặc nhưng các Kiến hoặc dựa theo Đế mà phân biệt, ba cõi hợp lại nói là có tám mươi tám sử. Nếu dựa vào một con người mà luận về tâm mê muội chung quy thì chỉ là năm kiến và Nghi. Sáu loại này với người ngu thì gọi là khó nhận biết, nếu đối với người trí thì lại gọi là dễ đoạn trừ, nghĩa là những phàm phu ngu muội học cách tu thiện, phần nhiều đều biết chán ngán tham-sân-si-mạn, đối với Ngã tâm và chấp giới..., không hiểu rằng đều là sai lầm, vì vậy khó nhận biết, vì khó nhận biết, cho nên kinh nói là sâu nặng.

Như kinh Niết- bàn giải thích: “Ngã kiến-Giới thủ và các loại như Nghi..., tất cả chúng sanh luôn luôn dấy khởi, lại khó biết được, như bệnh thường phát sanh nên gọi là bệnh nặng. Lại khó nhận biết, cho nên cũng gọi là bệnh nặng”.

Lại trong Thành Luận nói: “Người thế gian ở trong Giới thủ không thấy được sai lầm của nó, cho nên khiến trở thành kết sử, do đó biết lợi sử thì người ngu si không nhận thức được”. Nói đối với người trí thì gọi là dễ đoạn trừ, nghĩa là nếu học cách quán xét thân tâm sanh diệt, phân biệt thấy rõ Vô ngã, lúc phiền não ít lại, thì biết trí quán là pháp đoạn trừ, chính là Đạo. Sáu Sử trong tâm tự nhiên hoàn toàn không có, nghĩa là biết sắc tâm sanh diệt chẳng phải con người, thì không có Ngã tâm nên Biên kiến tự nhiên đoạn trừ. Bởi vì quán xét thấy rõ lý nhận biết Thánh Đạo, cho nên tin rất chính xác không nghi nhờ gì, bài báng không có tự nhiên đoạn trừ Trí tuệ là Đạo, Giới thủ- Kiến thủ ... chẳng phải là tốt đẹp, thì không có Giới thủ, Kiến thủ tự nhiên đoạn trừ, vì vậy sáu Sử khó nhận biết mà dễ đoạn trừ. Vì khó nhận biết, cho nên mê muội từ vô thủy đến nay. Vì dễ đoạn trừ, cho nên hiểu rõ lý hết sạch. không giống như tham – sân ... dễ nhận biết mà khó đoạn trừ. Vì dễ nhận biết, cho nên nhiều người không chấp. Vì khó đoạn trừ, cho nên người nào cũng có. Vì vậy lợi sử mê muội theo lý khiến tâm sai lệch, tự mình che lấp kiến giải cao siêu cùng với hành không thoát được. Không giống như tham-sân ... tách biệt duyên theo sự mà lấy khởi chỉ trở ngại đến tu quán chứ không tự mình mê muội theo lý, cho nên các bậc Thánh nhỏ tuy có tham – sân, mà không gây trở ngại vẫn có thể hiểu được lý không nghi ngờ gì. Vì vậy người trí học tu đạo nghiệp, chỉ tu quán trừ bỏ mê mờ mà nhập đạo. Nếu học quán hành tuy mờ mịt gọi là phàm phu, nhưng lúc có

chút hiểu rõ lý lẽ thì không còn giữ lấy sai lạc. Nếu không học hỏi tìm hiểu thì luôn luôn mê muội đối với đạo pháp, tuy tu những pháp thiện mà thoát ra được. Nhiều người bài báng chánh pháp và hành đạo, bởi vì tâm học mê muội không nhận biết được tà hay chánh, không biết người khác là không giống như mình, liền nói là mình đúng, nói người khác là sai. Vì vậy tâm người mê muội không có đạo pháp, phần nhiều dựa vào pháp thiện thế gian vọng chấp vào tướng sai trái.

Do đó trong luận Câu Xá nói: “Hàng tại gia bởi vì giữ lấy năm tuần, cho nên cùng với tài gia dấy lên tranh đấu; hàng xuất gia bởi vì giữ lấy những cách nhìn hoàn toàn không giống nhau, cho nên cùng với xuất gia dấy lên tranh đấu”. Còn trong Thành Luận nói: “nếu người trì giới lấy đó làm thanh tịnh, thì gọi là Giới thủ kết, tức gọi là giữ lấy cái của mình, cho rằng chân thật, còn của người khác đều là nói dối, gọi là Kiến thủ kết. Hai loại này là nguồn gốc dấy tranh lẫn nhau của người xuất gia, cũng chính điều ấy gọi là thuận bên khổ. Còn dựa vào Giới thủ này có thể từ bỏ 8 loại Thánh đạo chân thật, cho rằng đây chẳng phải là Chánh đạo, chẳng phải đạo thanh tịnh, có thể tùy theo sai lầm của khổ. Còn Giới thủ là sự ràng buộc của người xuất gia, các dục là sự ràng buộc của hàng tại gia. Vả lại, Giới thủ ấy tuy là thực hành các loại phương pháp thuộc phần xuất gia, nhưng trống rỗng chẳng có được gì. Lại bởi vì Giới thủ này mà có thể bài báng Chánh đạo và thực hành Chánh đạo, nhưng Giới thủ chính là nơi các ngoại đạo dấy lên kiêu mạn, nghĩ như vậy: Mình hơn hẳn người khác”.

Lấy những văn này chứng minh biết rằng, những Giới thủ chỉ là pháp thiện thế gian dẫn đến kết quả sanh tử, cho nên gọi là thuận theo khổ đau, không phải là đạo pháp chơn thật, người ngu si phần nhiều mê muội vọng chấp sinh ra tội lỗi. Vì vậy mười sử tuy đều là bất thiện, nhưng luận về căn nguyên chướng ngại đạo dấy khởi sai lầm, thì chỉ có 6 Sử làm mê muội tâm là chính. Nếu không thể đoạn trừ được, không những không thoát ra, mà còn vì thế dấy lên tội lỗi sâu nặng phải sanh vào đường ác. Đây là trình bày về đoạn trừ mười sử có khó dễ khác nhau.

Tụng rằng:

*Vời vợ thành trì của Ái Vương,
Cao vút núi non Thấu vui mừng,
Nghịệp kết thành ngục tù ba cõi,
Lợi-độn mười Sử thêm phiền não.
Xấu ác hỗn độn xuôi xuống dưới,*

*Đoạn trừ lậu hoặc lên đỉnh cao, Đắm theo Ngã
cam chịu khổ báo, Sợ voi dữ ném xuống giếng sâu.
Ngẩng lên mong cảm hóa nhiệm mầu, Trong từng niệm
loại trừ tâm bệnh, Vốn có phù hộ gặp Thích Tôn,
Ngưỡng mộ bậc Đại Tiên thông tuệ. Đã dẹp tan kết sử
vô minh,
Trở lại cùng tổ ngộ chân chánh, Tâm vui mừng thu
gom gánh vác, Thuận theo nghĩ thấy đều yên ổn.*

